

BỘ Y TẾ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN BAN BIÊN TẬP BIÊN SOẠN CÁC QUY ĐỊNH VỀ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

Chịu trách nhiệm về nội dung và xuất bản: PGS.TS. Nguyễn Văn Khải

Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Danh sách ban biên tập và biên soạn:

- | | |
|--|------------------|
| 1. PGS.TS. Nguyễn Văn Khải : Hiệu trưởng | - Trưởng ban |
| 2. PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng : Phó Hiệu trưởng | - Phó Trưởng ban |
| 3. PGS.TS. Đinh Văn Thúc : Trưởng phòng Đào tạo SĐH | - Ủy viên |
| 4. PGS.TS. Phạm Minh Khuê: Phó Hiệu trưởng | - Ủy viên |
| 5. PGS.TS. Dương Thị Hương : Trưởng Khoa YTCC | - Ủy viên |
| 6. PGS.TS. Phạm Văn Linh : Trưởng phòng Tổ chức cán bộ | - Ủy viên |
| 7. TS. Vũ Mạnh Tân : Trưởng Bộ môn Nội | - Ủy viên |
| 8. PGS.TS. Đặng Văn Chúc: Trưởng Bộ môn Nhi | - Ủy viên |
| 9. PGS.TS. Phạm Văn Duyệt : Trưởng BM Ngoại & PTTH | - Ủy viên |
| 10. PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai : Phó phòng ĐTSĐH | - Ủy viên thư ký |

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy định đào tạo trình độ Tiến sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Thông tư số 08/2017 TT-BGD&ĐT ngày 04/4/2017 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành về quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ.

Căn cứ quyết định số 4386/2011/QĐ-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục về việc giao nhiệm vụ đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Y tế công cộng cho Trường Đại học Y Hải Phòng.

Căn cứ quyết định số 2003/2014/QĐ-BGDĐT ngày 04/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục về việc giao nhiệm vụ đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Nhi cho Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Căn cứ quyết định số 1482/QĐ-YDHP ngày 19 tháng 12 năm 2017 về việc công nhận trúng tuyển nghiên cứu sinh khoá 1 chuyên ngành Ngoại Tiêu hóa, Nội Hô hấp của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng: Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về đào tạo trình độ Tiến sĩ của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Điều 2. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, các Khoa, Phòng, Bộ môn, các đơn vị có liên quan và nghiên cứu sinh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GD&ĐT; Bộ Y tế (để báo cáo);
- Lưu VT, ĐTSĐH.

HIỆU TRƯỞNG



MỤC LỤC

TRANG

Phần I: Quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ	4
Chương I: Quy định chung	4
Chương II: Tuyển sinh...	7
Chương III: Tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo.....	12
Chương IV: Tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền của các cá nhân và đơn vị liên quan.....	15
Chương V: Luận án, đánh giá và bảo vệ luận án	24
Chương VI: Thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án và cấp bằng tiến sĩ	26
Chương VII. Khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.....	31
Chương VIII: Tổ chức thực hiện.....	33
Phụ lục	

QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ/QĐ- YDHP ngày 31 tháng 12 năm 2019
của Hiệu trưởng trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: tuyển sinh; tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo; tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền của cá nhân và các đơn vị liên quan; luận án, đánh giá và bảo vệ luận án; thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án và cấp bằng tiến sĩ; khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các đại học quốc gia, đại học vùng, học viện, trường đại học (bao gồm các trường đại học thành viên của đại học quốc gia, đại học vùng) được giao nhiệm vụ đào tạo tiến sĩ và viện nghiên cứu khoa học được phép đào tạo trình độ tiến sĩ (sau đây gọi chung là cơ sở đào tạo), các tổ chức và cá nhân có liên quan.

2. Quy định này không áp dụng đối với các chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, các chương trình liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ giữa các cơ sở đào tạo của Việt Nam với các cơ sở đào tạo của nước ngoài do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp bằng và các chương trình liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ giữa các cơ sở đào tạo của Việt Nam với các cơ sở đào tạo của nước ngoài do hai bên cùng cấp bằng

Điều 3. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo ở trình độ tiến sĩ do Trường xây dựng, thẩm định và ban hành theo quy định hiện hành, đáp ứng các điều kiện sau:

a) Khối lượng học tập tối thiểu 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp thạc sĩ và tối thiểu 120 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp đại học;

b) Chuẩn đầu ra bao gồm kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ tiến sĩ phải đạt Bậc 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Khung trình độ quốc gia).

2. Kết cấu chương trình đào tạo bao gồm: các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ và luận án tiến sĩ.

3. Các học phần bổ sung nhằm hỗ trợ nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện đề tài nghiên cứu.

a) Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ: căn cứ vào các học phần đã tích lũy ở trình độ thạc sĩ, kiến thức cần cập nhật, bổ sung và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu, hiệu trưởng các trường đại học được phép đào tạo trình độ tiến sĩ (sau đây gọi chung là thủ trưởng cơ sở đào tạo) xác định số học phần và khối lượng tín chỉ nghiên cứu sinh cần phải học bổ sung.

b) Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ: các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành (sau đây gọi chung là ngành) tương ứng, trừ các học phần ngoại ngữ và luận văn; có khối lượng kiến thức tối thiểu 30 tín chỉ để đảm bảo nghiên cứu sinh đạt chuẩn đầu ra Bậc 7 của Khung trình độ quốc gia và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu.

4. Các học phần ở trình độ tiến sĩ (bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn) nhằm nâng cao trình độ lý luận chuyên ngành, phương pháp nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu, trong đó:

a) Tiểu luận tổng quan yêu cầu nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, từ đó rút ra mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án tiến sĩ;

b) Các chuyên đề tiến sĩ yêu cầu nghiên cứu sinh nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ;

c) Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành từ 06 học phần đến 09 học phần ở trình độ tiến sĩ với khối lượng từ 14 tín chỉ đến 20 tín chỉ, trong đó tiểu luận tổng quan và 02 hoặc 03 chuyên đề tiến sĩ do Hiệu trưởng quyết định những học phần bắt buộc.

5. Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án.

6. Cơ sở đào tạo được sử dụng chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo nước ngoài theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 36 Luật giáo dục đại học.

Chương II

TUYỂN SINH

Điều 4. Phương thức và thời gian tuyển sinh

1. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển
2. Số lần tuyển sinh trong năm: 01 lần hoặc nhiều lần.
3. Hiệu trưởng căn cứ vào quy định của Quy chế này và các quy định liên quan chịu trách nhiệm xây dựng đề án tuyển sinh (tham khảo mẫu tại Phụ lục I), đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin về phương thức tuyển sinh, thời gian tổ chức tuyển sinh, các điều kiện đảm bảo chất lượng và những thông tin cần thiết khác.

Điều 5. Điều kiện dự tuyển

1. Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ có các điều kiện sau:
 - Có bằng thạc sĩ đúng hoặc gần đúng chuyên ngành dự tuyển, bằng bác sĩ chuyên khoa cấp 2 đúng hoặc gần chuyên ngành dự tuyển
 - Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học đạt loại giỏi trở lên
2. Có 1 bài luận về dự định nghiên cứu, trong đó trình bày rõ ràng đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu và mong muốn đạt được, lý do lựa chọn cơ sở đào tạo, kế hoạch thực hiện trong từng thời kỳ của thời gian đào tạo, những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết của thí sinh về lĩnh vực nghiên cứu, dự kiến sau khi tốt nghiệp, đề xuất người hướng dẫn.
3. Có 02 thư giới thiệu của hai nhà khoa học có chức danh khoa học như giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành, hoặc 01 thư giới thiệu của một nhà khoa học có chức danh khoa học hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành và một thư giới thiệu của thủ trưởng đơn vị công tác của thí sinh. Những người giới thiệu này cần có ít nhất 6 tháng công tác hoặc hoạt động chuyên môn với thí sinh. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển, cụ thể:

- a) Phẩm chất đạo đức, đặc biệt đạo đức nghề nghiệp;
- b) Năng lực hoạt động chuyên môn;
- c) Khả năng nghiên cứu;
- d) Khả năng làm việc theo nhóm;
- e) Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển;
- f) Triển vọng phát triển về chuyên môn;
- g) Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

4. Là tác giả ít nhất 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỹ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển

5. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

- a) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;
- b) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;
- c) Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;
- d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khoản này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b khoản này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (quy định tại Phụ lục II) theo quy định tại điểm c khoản này do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công

nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

đ) Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ ngành ngôn ngữ Anh phải có chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (quy định tại Phụ lục II) theo quy định tại điểm c khoản này do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển; hoặc đáp ứng quy định tại điểm a khoản này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b khoản này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh.

6. Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ theo quy định cụ thể của cơ sở đào tạo.

7. Được cơ quan quản lý nhân sự, hoặc trường nơi sinh viên vừa tốt nghiệp giới thiệu dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ. Đối với người chưa có việc làm cần được địa phương nơi cư trú xác nhận thân nhân tốt và hiện không vi phạm pháp luật.

8. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của cơ sở đào tạo

Điều 7. Hồ sơ dự tuyển

1. Hồ sơ dự tuyển bao gồm:

- a) Đơn xin dự tuyển.
- b) Lý lịch khoa học.

c) Bản sao văn bằng, chứng chỉ, bảng điểm đại học, sau đại học có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu (trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp).

d) Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học quy định tại khoản 4 Điều 6 của Quy định này và thâm niên công tác (nếu có).

đ) Bài luận dự định nghiên cứu (theo mẫu do cơ sở đào tạo quy định, nếu có).

e) Có 02 thư giới thiệu của hai nhà khoa học có chức danh khoa học như giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành, hoặc 01 thư giới thiệu của một nhà khoa học có chức danh khoa học hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành và một thư giới thiệu của thủ trưởng đơn vị công tác của thí sinh.

g) Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).

h) Các tài liệu liên quan khác theo thông báo tuyển sinh.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Điều 7. Thông báo tuyển sinh

1. Thông báo tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và phương tiện thông tin đại chúng khác trước khi tổ chức xét tuyển, thi tuyển ít nhất 03 tháng, trong đó nêu rõ:

a) Điều kiện dự tuyển;

b) Danh mục ngành phù hợp được xét tuyển đối với từng ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.

c) Chỉ tiêu tuyển sinh theo từng ngành đào tạo;

d) Hồ sơ dự tuyển theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này và thời gian nhận hồ sơ, lệ phí dự tuyển;

đ) Kế hoạch và phương thức tuyển sinh, thời gian công bố kết quả trúng tuyển và thời gian nhập học;

e) Học phí, các chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu sinh trong quá trình học tập (nếu có);

g) Các yêu cầu và thông tin cần thiết khác.

2. Nội dung thông báo tuyển sinh do Hiệu trưởng chịu trách nhiệm, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành và phù hợp với đề án tuyển sinh của Trường

Điều 8. Tổ chức tuyển sinh và công nhận nghiên cứu sinh

Căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 34 Luật giáo dục đại học, Hiệu trưởng quy định chi tiết việc tổ chức tuyển sinh, tiêu chuẩn, số lượng, nhiệm vụ và quyền của các cá nhân và tập thể tham gia tổ chức tuyển sinh; phê duyệt danh sách người trúng tuyển và ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Điều 9. Tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo

1. Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 37 Luật giáo dục đại học, Hiệu trưởng quy định chi tiết việc tổ chức và quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ đảm bảo tuân thủ các quy định của Quy chế đào tạo trình độ Tiến sĩ của Bộ Giáo dục và các quy định liên quan.

2. Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ:

a) Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ (kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh)

- 3 năm tập trung đối với người có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành.

- 4 năm tập trung đối với người có bằng thạc sĩ phù hợp với chuyên ngành đào tạo, bác sĩ chuyên khoa cấp 2.

- 5 năm tập trung đối với người có bằng tốt nghiệp đại học y đạt loại giỏi trở nên.

b) Trong trường hợp đặc biệt, nghiên cứu sinh được rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập theo quy định tại khoản 7 Điều này.

3. Việc tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy, nghiên cứu sinh phải dành ít nhất 12 tháng theo học tập trung liên tục tại cơ sở đào tạo trong giai đoạn 24 tháng đầu, kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh. Trong 24 tháng đầu, nghiên cứu sinh phải hoàn thành và bảo vệ xong 03 chuyên đề tiến sĩ và 01 chuyên đề tiểu luận tổng quan.

4. Trong quá trình học tập, vào đầu năm học nghiên cứu sinh phải gửi kế hoạch học tập về Khoa/Bộ môn và Phòng Đào tạo sau đại học và báo cáo kết quả, tiến độ học tập 6 tháng/lần (có mẫu ở phần phụ lục)

5. Việc tổ chức dạy và học các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ phải được triển khai tại Trường, nơi nghiên cứu sinh đang theo học. Trong trường hợp Trường không đào tạo chương trình có học phần cần bổ

sung cho nghiên cứu sinh thì gửi nghiên cứu sinh theo học ở các cơ sở đào tạo khác đã được phép đào tạo chương trình có học phần này theo thỏa thuận giữa các cơ sở đào tạo.

6. Nghiên cứu khoa học là bắt buộc trong quá trình thực hiện luận án tiến sĩ, thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian quy định tại khoản 2 Điều này.

7. Những thay đổi trong quá trình đào tạo:

a) Việc thay đổi đề tài luận án được thực hiện khi nghiên cứu sinh, người hướng dẫn đảm bảo hoàn thành chương trình đào tạo quy định tại khoản 1, Điều 3 của Quy định này, trong thời gian quy định tại các điểm a, b và c, khoản 7 Điều này;

b) Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn được thực hiện chậm nhất trước 12 tháng tính đến ngày kết thúc khóa học theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có), trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Việc chuyển cơ sở đào tạo được xem xét trong trường hợp thời hạn học tập của nghiên cứu sinh còn tối thiểu 12 tháng theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh và cơ sở chuyển đến đang triển khai đào tạo ngành tương ứng ở trình độ tiến sĩ. Sau khi có sự đồng ý của cơ sở đang đào tạo, thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến tiếp nhận và ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh với thời gian đào tạo là thời gian học tập còn lại theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh của cơ sở đào tạo trước (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có). Việc công nhận kết quả học tập đã tích luỹ và các học phần mà nghiên cứu sinh cần bổ sung (nếu có) do thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến quyết định.

8. Hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, gia hạn và rút ngắn thời gian học tập:

a) Nghiên cứu sinh được xác định hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu luận án đã được Hội đồng đánh giá cấp trường thông qua trong thời gian quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này;

b) Trong trường hợp nghiên cứu sinh không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, trước khi hết hạn, nghiên cứu sinh phải làm thủ tục xin gia hạn học tập. Thời gian gia hạn tối đa là 24 tháng. Trước thời gian ra hạn học tập 6 tháng, nghiên cứu sinh gửi đơn xin ra hạn, công văn của cơ quan về lý do gia hạn của nghiên cứu sinh (có mẫu ở phần phụ lục). Trong thời gian này, nghiên cứu sinh phải theo học tập trung liên tục tại Trường. Nghiên cứu sinh có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh khi ra hạn thời gian học tập.

Hết thời gian gia hạn, nếu luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua (bao gồm cả trường hợp cho phép đánh giá lại theo quy định tại Điều 22 của Quy định này) thì Hiệu trưởng quyết định cho nghiên cứu sinh thôi học. Kết quả học tập của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ không được bảo lưu.

c) Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho phép nghiên cứu sinh được rút ngắn thời gian học tập nếu nghiên cứu sinh hoàn thành đầy đủ chương trình đào tạo theo quy định của Quy chế này.

Chương IV

TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA CÁC CÁ NHÂN VÀ ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 10. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Tiêu chuẩn giảng viên:

- a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật giáo dục đại học;
- b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với các học phần đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;
- c) Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên hoặc đã và đang tham gia các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp bộ trở lên;
- d) Là tác giả chính tối thiểu 02 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành.

2. Giảng viên thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật giáo dục đại học và các quy định liên quan.

Điều 11. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Tiêu chuẩn người hướng dẫn độc lập:

- a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật giáo dục đại học;
- b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; đối với người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư thì phải có tối thiểu 03 năm (36 tháng) làm công tác nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ;
- c) Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên;

d) Là tác giả chính tối thiểu 01 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí thuộc danh mục các tạp chí của cơ sở dữ liệu ISI Thomson Reuters hoặc của cơ sở dữ liệu Scopus - Elsevier (sau đây gọi chung là danh mục các tạp chí ISI - Scopus) hoặc ít nhất một chương sách tham khảo có mã số chuẩn quốc tế ISBN do các nhà xuất bản nước ngoài phát hành; hoặc là tác giả chính của tối thiểu 02 báo cáo đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, hoặc 02 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện thuộc lĩnh vực khoa học liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

đ) Trường hợp chưa có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, ngoài việc phải đáp ứng quy định tại điểm d khoản này phải là tác giả chính của thêm 01 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI - Scopus;

e) Có năng lực ngoại ngữ phục vụ nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế;

g) Người hướng dẫn độc lập phải là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của Trường hoặc là nhà khoa học người nước ngoài, nhà khoa học Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Trường.

2. Mỗi nghiên cứu sinh có tối đa 02 người hướng dẫn, trong đó:

a) Người hướng dẫn chính phải có đầy đủ các tiêu chuẩn qui định tại khoản 1 Điều này;

b) Người hướng dẫn phụ phải có các tiêu chuẩn tối thiểu qui định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này;

c) Ít nhất phải có một người là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của cơ sở đào tạo.

3. Nhiệm vụ và quyền của người hướng dẫn:

a) Thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật giáo dục đại học;

b) Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 05 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 04 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 03 nghiên cứu sinh;

c) Không được hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn nghiên cứu sinh mới nếu trong vòng 06 năm (72 tháng) tính đến thời điểm được giao nhiệm vụ có 02 nghiên cứu sinh có luận án không được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua, bao gồm cả việc đánh giá lại luận án quy định tại Điều 22 của Quy chế này (nếu có);

d) Hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu khoa học;

d) Thông qua luận án của nghiên cứu sinh, đề nghị để luận án được đánh giá ở đơn vị chuyên môn và tại Hội đồng cấp trường nếu luận án đã đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 15 của Quy định này;

e) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền của nghiên cứu sinh

1. Thực hiện quy định tại các Điều 60, 61 Luật giáo dục đại học.
2. Xây dựng kế hoạch học tập và nghiên cứu khoa học toàn khoá và từng học kỳ, được người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn thông qua.
3. Định kỳ báo cáo tiến độ, kết quả đạt được theo quy định của Trường.
4. Được tiếp cận các nguồn tài liệu, sử dụng thư viện, các trang thiết bị thí nghiệm phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận án.
5. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền của đơn vị chuyên môn

1. Thông qua kế hoạch học tập và nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh; tạo điều kiện, hỗ trợ, đôn đốc, giám sát và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch.

2. Quản lý nghiên cứu sinh trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học tại đơn vị chuyên môn.
3. Tổ chức sinh hoạt khoa học định kỳ cho nghiên cứu sinh.
4. Tổ chức đánh giá luận án của nghiên cứu sinh ở đơn vị chuyên môn; xem xét thông qua hoặc không thông qua đề nghị đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng cấp trường trên cơ sở quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 16 của Quy định này.
5. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền của cơ sở đào tạo

1. Xây dựng, ban hành và công bố công khai quy định chi tiết của Trường về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ theo các quy định của Quy định này và các quy định liên quan.
2. Công bố công khai thông tin liên quan đến tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ trên trang thông tin điện tử của Trường.
3. Tổ chức thực hiện tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ, đánh giá luận án của nghiên cứu sinh và quản lý quá trình đào tạo, cấp bằng tiến sĩ theo kế hoạch và các quy định hiện hành.
4. Đảm bảo đủ các điều kiện về nhân lực và cơ sở vật chất cần thiết cho giảng viên, người hướng dẫn, nghiên cứu sinh và hội đồng đánh giá luận án (bao gồm cả nhiệm vụ sử dụng công cụ công nghệ thông tin để kiểm tra và rà soát việc sao chép luận án, chuyển kết quả cho Hội đồng đánh giá luận án cấp trường để Hội đồng xem xét, đánh giá, kết luận).
5. Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học ở quy mô quốc gia và quốc tế, xuất bản các tạp chí nghiên cứu khoa học có phản biện của Trường.
6. Xây dựng chính sách cụ thể để thúc đẩy bình đẳng giới trong tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.
7. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy định về tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ.

8. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ bao gồm:

- a) Sau mỗi đợt tuyển sinh, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác tổ chức tuyển sinh và kết quả tuyển sinh kèm theo các quyết định công nhận nghiên cứu sinh trúng tuyển (theo mẫu tại Phụ lục III);
- b) Vào tháng 12 hàng năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác đào tạo tiến sĩ, cấp bằng tiến sĩ, chỉ tiêu và kế hoạch tuyển nghiên cứu sinh từng ngành của năm tiếp theo (theo mẫu tại Phụ lục IV);
- c) Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách trích ngang nghiên cứu sinh đã hoàn thiện hồ sơ quá trình đào tạo và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá bảo vệ luận án cấp trường trong 02 tháng trước đó (theo mẫu tại Phụ lục V);
- d) Lưu trữ và bảo quản hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 27/2016/TT - BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục.

Chương V

LUẬN ÁN, ĐÁNH GIÁ VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN

Điều 15. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

1. Đáp ứng quy định tại khoản 5, Điều 3 của Quy định này và quy định của Hiệu trưởng về khối lượng, hình thức, cách trình bày luận án, quy định trích dẫn và danh mục tài liệu tham khảo (tham khảo mẫu tại Phụ lục VI).
2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, cụ thể:
 - a) Trích dẫn đầy đủ và chỉ rõ nguồn tham khảo các kết quả nghiên cứu của các tác giả khác (nếu có);
 - b) Trong trường hợp luận án sử dụng nội dung công trình khoa học của tập thể mà nghiên cứu sinh là đồng tác giả thì phải có văn bản đồng ý của các đồng tác giả khác cho phép nghiên cứu sinh được sử dụng kết quả của nhóm nghiên cứu;
 - c) Tuân thủ các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

Điều 16. Đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn

1. Điều kiện để nghiên cứu sinh được đăng ký đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn:
 - a) Đã hoàn thành các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ quy định tại các khoản 3, 4 Điều 3 của Quy định này;
 - b) Đã công bố tối thiểu 02 bài báo về kết quả nghiên cứu của luận án trong đó có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI-Scopus hoặc đã công bố tối thiểu 02 báo cáo trong kỳ yêu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện;
 - c) Được tập thể hoặc người hướng dẫn nghiên cứu sinh đồng ý cho đăng ký đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn.
- d, Đã tham gia báo cáo ít nhất 01 bài báo tại Hội nghị nghiên cứu sinh do Nhà trường tổ chức, nội dung bài báo là một phần kết quả nghiên cứu của đề tài luận án.

2. Việc đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn là hình thức sinh hoạt khoa học được tổ chức 01 lần hoặc nhiều lần, cho đến khi luận án được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường; các thành viên của đơn vị chuyên môn, nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên và những người quan tâm có quyền tham gia (trừ trường hợp luận án bảo vệ theo chế độ mật).

3. Hiệu trưởng quy định chi tiết việc đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn, quy trình và phương thức đánh giá, số lượng, tiêu chuẩn và nhiệm vụ của những nhà khoa học được mời nhận xét luận án; đáp ứng các quy định sau:

a) Số lượng nhà khoa học được mời nhận xét luận án tối thiểu là 05 người có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; có sự tham gia của các nhà khoa học ở trong và ngoài cơ sở đào tạo. Số lượng nhà khoa học tham gia đánh giá lần sau (nếu có) phải đảm bảo trùng tối thiểu hai phần ba (2/3) với tổng số nhà khoa học được mời nhận xét luận án đã tham gia ở lần đánh giá trước để nhận xét quá trình hoàn thiện luận án của nghiên cứu sinh; trong đó, phải có mặt những người có ý kiến chưa đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp trường.

b) Luận án chỉ được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp trường khi có tối thiểu ba phần tư (3/4) số nhà khoa học được mời nhận xét luận án ở lần đánh giá cuối cùng tán thành (ghi trong phiếu nhận xét luận án).

Điều 17. Phản biện độc lập luận án

1. Luận án của nghiên cứu sinh được gửi lấy ý kiến của 02 phản biện độc lập trước khi được đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

2. Phản biện độc lập là những nhà khoa học, chuyên gia ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài; có kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu của luận án; không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột với nghiên cứu sinh; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ nghiên cứu sinh và người hướng dẫn trong quá trình hoàn thiện luận án.

3. Danh sách phản biện độc lập là tài liệu mật của cơ sở đào tạo.

4. Hiệu trưởng quy định chi tiết tiêu chuẩn đối với phản biện độc lập; trình tự, quy trình lựa chọn, gửi lấy ý kiến và xử lý ý kiến phản biện độc lập; yêu cầu về trách nhiệm bảo mật đối với cán bộ, công chức, người phản biện và đối với thông tin, tài liệu liên quan đến phản biện độc lập theo quy định hiện hành.

Điều 18. Điều kiện và hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường

1. Điều kiện để nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

a) Luận án của nghiên cứu sinh được đơn vị chuyên môn đề nghị được đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

b) Luận án của nghiên cứu sinh được các phản biện độc lập quy định tại Điều 17 của Quy định này tán thành;

c) Nghiên cứu sinh không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

2. Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường, viện gồm:

a) Toàn văn luận án;

b) Tóm tắt luận án;

c) Trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài theo quy định của Trường;

d) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả qui định tại điểm b, khoản 2 Điều 15 Quy chế này (nếu có);

đ) Văn bản của đơn vị chuyên môn đề nghị cho phép nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường;

e) Bảng điểm các học phần bổ sung (nếu có), các học phần của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan;

g) Quyết định công nhận nghiên cứu sinh và minh chứng những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có);

h) Bản nhận xét của 02 phản biện độc lập;

i) Những tài liệu khác theo quy định của Trường.

3. Nghiên cứu sinh có trách nhiệm chuẩn bị các tài liệu theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều này; các tài liệu còn lại do Trường tập hợp.

Điều 19. Hội đồng đánh giá luận án cấp trường

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường, quy định chi tiết về tiêu chuẩn và nhiệm vụ đối với từng thành viên trong Hội đồng theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 Điều này.

2. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

c) Có công trình nghiên cứu, có uy tín và kinh nghiệm hoạt động nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh, trong đó người phản biện phải có tối thiểu 01 bài báo hoặc báo cáo khoa học đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc trong ký yếu hội thảo quốc tế có phản biện.

3. Số lượng thành viên Hội đồng:

a) Hội đồng gồm 07 thành viên; trong đó: số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư tối thiểu là 05 người; số thành viên đã tham gia đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn tối đa không quá 03 người; số thành viên là cán bộ của cơ sở đào tạo tối đa không quá 03 người;

b) Hiệu trưởng quyết định số lượng giáo sư, phó giáo sư, số lượng thành viên là cán bộ của Trường trong trường hợp tổ chức đánh giá luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh các ngành đang triển khai đào tạo thí điểm tại Trường.

4. Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, 03 phản biện và các uỷ viên; chủ tịch Hội đồng phải là giáo sư hoặc phó giáo sư ngành phù hợp với đề tài luận án của nghiên cứu sinh; các phản biện không được là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án; đại diện tập thể

hướng dẫn nghiên cứu sinh có thể được mời tham gia Hội đồng với tư cách là ủy viên.

5. Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột của nghiên cứu sinh không tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

Điều 20. Đánh giá luận án ở cấp trường

1. Hiệu trưởng quy định thời hạn, điều kiện, trình tự, thủ tục tổ chức buổi đánh giá luận án ở cấp trường đảm bảo những quy định sau:

a) Luận án phải được đánh giá công khai trừ những luận án được phép đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 21 của Quy chế này;

b) Thời gian, địa điểm tổ chức đánh giá luận án, tóm tắt và toàn văn luận án, trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng Việt và tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường chậm nhất 20 ngày trước ngày bảo vệ trừ những luận án được phép đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 21 của Quy chế này;

c) Không tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp trường trong trường hợp chủ tịch hoặc thư ký hoặc có từ 02 thành viên Hội đồng trở lên vắng mặt;

d) Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu (tán thành hoặc không tán thành), luận án không được thông qua nếu có từ 02 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi bảo vệ trở lên bỏ phiếu không tán thành;

đ) Hội đồng phải có quyết nghị về luận án, trong đó nêu rõ: kết quả đánh giá luận án của các thành viên Hội đồng; những đóng góp mới của luận án về lý luận và thực tiễn; những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án; tính trung thực của kết quả nghiên cứu; kết luận của Hội đồng về việc không thông qua luận án và lý do hoặc thông qua luận án (bao gồm cả yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, nếu có), kiến nghị công nhận trình độ, cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh;

e) Biên bản buổi đánh giá luận án cấp trường được toàn thể thành viên Hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của chủ tịch và thư ký Hội đồng.

2. Trong trường hợp cần thiết (vì lý do khách quan hoặc do có thành viên đề nghị không tham gia Hội đồng), Hiệu trưởng quyết định về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường và thời hạn liên quan đến hoạt động của Hội đồng được tính từ ngày quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên có hiệu lực.

Điều 21. Đánh giá lại luận án ở cấp trường

1. Trong trường hợp luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua ở lần đánh giá thứ nhất, nghiên cứu sinh được phép sửa chữa luận án và đề nghị được bảo vệ luận án lần thứ hai.

2. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án cấp trường, viện lần thứ hai phải có tối thiểu 05 thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất nhưng không được vắng mặt thành viên Hội đồng có ý kiến không tán thành luận án.

3. Thời gian bảo vệ luận án lần thứ hai muộn nhất trước 24 tháng kể từ ngày bảo vệ lần thứ nhất.

4. Không tổ chức đánh giá lại luận án lần thứ ba

Chương VI

THẨM ĐỊNH QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 22. Thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

Việc thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án được thực hiện trong các trường hợp sau:

1. Thẩm định ngẫu nhiên tối đa 20% hồ sơ quá trình đào tạo, chất lượng luận án đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua trong báo cáo của cơ sở đào tạo quy định tại điểm c, khoản 8 Điều 14 Quy chế này.

2. Thẩm định khi có đơn thư khiếu nại, tố cáo về hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án.

Điều 23. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo

a) Hồ sơ dự tuyển nghiên cứu sinh có đầy đủ minh chứng về điều kiện dự tuyển tại Điều 6 của Quy chế này;

b) Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường của nghiên cứu sinh quy định tại khoản 2 Điều 18 của Quy chế này;

c) Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh quy định tại khoản 2 Điều 28 của Quy chế này;

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2. Hồ sơ thẩm định nội dung, chất lượng luận án

a) Luận án tiến sĩ đã xoá thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn nghiên cứu sinh và cơ sở đào tạo;

b) Tóm tắt luận án đã xoá thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn nghiên cứu sinh và cơ sở đào tạo;

c) Bản sao các bài báo công bố kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh theo quy định;

d) Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

Điều 24. Quy trình thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của cơ sở đào tạo quy định tại điểm c, khoản 8 Điều 14 của Quy chế này, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ thông báo bằng văn bản danh sách những trường hợp cần thẩm định của cơ sở đào tạo và nội dung yêu cầu thẩm định cụ thể.
2. Trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ của cơ sở đào tạo theo quy định tại Điều 24 của Quy chế này, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tiến hành thẩm định và có văn bản thông báo kết quả thẩm định.
3. Quá trình đào tạo đạt yêu cầu thẩm định khi hồ sơ thẩm định đảm bảo các quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án của Quy chế này.
4. Nội dung, chất lượng luận án được thẩm định bằng hình thức lấy ý kiến đánh giá của 03 nhà khoa học có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, có kinh nghiệm chuyên môn, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

- a) Luận án đạt yêu cầu thẩm định nếu tối thiểu hai trong ba ý kiến thẩm định luận án tán thành;
- b) Trong trường hợp luận án không đạt yêu cầu thẩm định qui định tại điểm a khoản này hoặc có đơn thư tố cáo về nội dung và chất lượng luận án thì Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án, uỷ quyền thủ trưởng cơ sở đào tạo nghiên cứu sinh tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 25. Hội đồng thẩm định luận án

1. Hội đồng thẩm định luận án gồm 07 thành viên, trong đó có tối thiểu 04 thành viên chưa tham gia đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn, chưa là phản biện độc lập hoặc chưa là thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường; có các nhà khoa học tham gia thẩm định không tán thành luận án theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Quy chế này.

2. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng thẩm định luận án như tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường, viện quy định tại khoản 2 Điều 19 Quy chế này.

3. Hội đồng thẩm định luận án có chủ tịch, thư ký và các ủy viên.

4. Hội đồng chỉ họp khi có mặt tối thiểu 06 thành viên bao gồm chủ tịch, thư ký và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án (nếu có).

5. Nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định: xem xét, đánh giá và quyết nghị về nội dung, chất lượng luận án hoặc làm rõ những nội dung đơn thu khiếu nại, tố cáo.

6. Luận án không đạt yêu cầu thẩm định khi có từ 02 thành viên Hội đồng có mặt trở lên không tán thành.

7. Trong trường hợp luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua, Hiệu trưởng tổ chức và chủ trì đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng đánh giá luận án cấp trường có sự tham dự của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp tối thiểu là 12 người, trong đó chủ tịch, phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của hai Hội đồng phải có mặt. Luận án không được thông qua nếu có từ 03 thành viên có mặt tại buổi đối thoại trở lên không tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về nội dung, chất lượng luận án.

Điều 26. Xử lý kết quả thẩm định

1. Đối với luận án đạt yêu cầu thẩm định theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 24 Quy định này hoặc được Hội đồng thẩm định thông qua nhưng yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung, Hội đồng đánh giá luận án cấp trường, cùng với người hướng dẫn và nghiên cứu sinh xem xét, quyết định các điểm cần sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của người thẩm định hoặc Hội đồng thẩm định.

2. Đối với luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua:

a) Trong trường hợp nghiên cứu sinh chưa được cấp bằng tiến sĩ, nghiên cứu sinh được phép sửa đổi, bổ sung và đề nghị đánh giá lại luận án theo quy định tại Điều 21 của Quy định này;

b) Trong trường hợp nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ thì cơ sở đào tạo xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Quy định này.

3. Đối với hồ sơ quá trình đào tạo chưa đạt yêu cầu thẩm định, căn cứ thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thủ trưởng cơ sở đào tạo bổ sung hoàn thiện hồ sơ và giải trình.

4. Trong thời gian tối đa 02 tháng (60 ngày) kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định, Hiệu trưởng có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xử lý kết quả thẩm định theo các nội dung nêu tại các khoản 1, 2, 3 Điều này với các minh chứng kèm theo.

Điều 27. Cấp bằng tiến sĩ

1. Điều kiện để nghiên cứu sinh được xét cấp bằng tiến sĩ:

a) Luận án của nghiên cứu sinh đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua đủ 03 tháng (90 ngày);

b) Nghiên cứu sinh đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung luận án theo quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường và được người hướng dẫn, đơn vị quản lý đào tạo, chủ tịch Hội đồng xác nhận (nếu có);

c) Nếu là trường hợp cần thẩm định theo thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại khoản 1 Điều 25 thì kết quả thẩm định phải đạt yêu cầu theo quy định tại khoản 3 và điểm a, khoản 4 Điều 25 và khoản 1 Điều 27 của Quy chế này; hoặc chưa nhận được kết quả thẩm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo khi đã hết thời hạn thẩm định quy định tại khoản 2 Điều 25 của Quy chế này;

d) Đã đăng trên trang thông tin điện tử của Trường và nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam (cả bản in và file pdf) toàn văn luận án và tóm tắt luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, chữ ký của người hướng

dẫn và xác nhận của Hiệu trưởng sau khi đã bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường và Hội đồng thẩm định (nếu có).

2. Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh gồm:

- a) Biên bản của buổi đánh giá luận án ở cấp trường;
- b) Quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường;
- c) Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá của tất cả các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường có mặt tại buổi đánh giá;
- d) Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn hoặc tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh;
- e) Giấy biên nhận đã nộp luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Quốc gia Việt Nam;
- f) Minh chứng công bố công khai ngày đánh giá luận án trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 21 Quy chế này;
- g) Các tài liệu khác theo quy định của Trường.

3. Trường tập hợp hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ và tiến hành thủ tục cấp bằng cho nghiên cứu sinh khi nghiên cứu sinh đáp ứng đầy đủ điều kiện qui định tại khoản 1 Điều này và lưu trữ hồ sơ cấp bằng theo quy định.

4. Hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức kiểm tra quá trình đào tạo, chất lượng luận án, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường trước khi tổ chức cuộc họp thường kỳ Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường để thông qua danh sách nghiên cứu sinh được xét cấp bằng tiến sĩ và ra quyết định cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

Chương VII

KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 28. Khiếu nại, tố cáo

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và nghiên cứu sinh có quyền khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ.
2. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại, Luật tố cáo.

Điều 29. Thanh tra, kiểm tra

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo trình độ tiến sĩ của các cơ sở đào tạo theo quy định hiện hành.
2. Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm công tác tuyển sinh; công tác tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo; quy trình tổ chức đánh giá và bảo vệ luận án; cấp bằng tiến sĩ và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ sở đào tạo. Kết luận thanh tra, kiểm tra và các kiến nghị (nếu có) sẽ được Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản cho cơ sở đào tạo.

Điều 30. Xử lý vi phạm

1. Trong trường hợp phát hiện có vi phạm trong tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ, Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản yêu cầu cơ sở đào tạo xử lý hoặc trực tiếp xử lý theo thẩm quyền.
2. Việc thu hồi bằng tiến sĩ được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những trường hợp sau:

- a) Gian lận trong hồ sơ dự tuyển khiến người được cấp bằng không còn đảm bảo điều kiện dự tuyển và điều kiện công nhận nghiên cứu sinh;
- b) Sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án mà nếu cắt bỏ những nội dung đó thì luận án không đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 15 của Quy chế này;

c) Luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại khoản 7 Điều 25 Quy định này.

3. Trong trường hợp nghiên cứu sinh bị phát hiện có những vi phạm khác thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập đến truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Việc xác định luận án vi phạm tại điểm b, khoản 2 Điều này thuộc thẩm quyền của Hội đồng thẩm định do thủ trưởng cơ sở đào tạo thành lập theo quy định tại Điều 25 của Quy định này.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31: Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các khoá tuyển sinh đã có quyết định công nhận nghiên cứu sinh trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành, cơ sở đào tạo thực hiện theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 và được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Đối với các khóa tuyển sinh kể từ thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2018, quy định về tiêu chuẩn người hướng dẫn nghiên cứu sinh tại điểm d, khoản 1 Điều 11 và quy định về điều kiện nghiên cứu sinh được đăng ký đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn tại điểm b, khoản 1 Điều 16 của Quy chế này được thực hiện như sau:

a) Người hướng dẫn những đề tài thuộc Nhóm ngành II (quy định tại Phụ lục VII) là tác giả chính tối thiểu 01 báo cáo hoặc công trình khoa học đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc ít nhất một chương sách tham khảo có mã số chuẩn quốc tế ISBN do các nhà xuất bản nước ngoài phát hành hoặc 01 bài báo đăng trong tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

b) Nghiên cứu sinh thực hiện những đề tài thuộc Nhóm ngành II (quy định tại Phụ lục VII, trong đó có nhóm ngành sức khỏe) phải công bố nội dung và kết quả nghiên cứu của luận án trong tối thiểu 02 bài báo hoặc báo cáo, trong đó có 01 báo cáo đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện.

3. Đối với các khóa tuyển sinh kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 trở đi, người hướng dẫn nghiên cứu sinh phải thực hiện quy định tại điểm d, khoản 1

Điều 11 và nghiên cứu sinh phải thực hiện quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 16 của Quy định này

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Bộ GD &ĐT, Bộ Y tế (để báo cáo)
- Lưu trữ VT, ĐTSĐH



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. *Nguyễn Văn Khải*

Phụ lục 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

YÊU CẦU VỀ DỰ ĐỊNH NGHIÊN CỨU CỦA THÍ SINH

Thí sinh cần trình bày về bài luận xét tuyển như sau:

1. Lý do lựa chọn đề tài, lĩnh vực nghiên cứu
2. Mục tiêu và mong muốn đạt được khi đăng ký đi học nghiên cứu sinh
3. Lý do lựa chọn cơ sở đào tạo (nơi thí sinh đăng ký dự thi)
4. Những dự định và kế hoạch để đạt được những mục tiêu mong muốn
5. Kinh nghiệm (về nghiên cứu, về thực tế, hoạt động xã hội và ngoại khoá), kiến thức, sự hiểu biết và những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề nghiên cứu...
6. Dự kiến việc làm và các nghiên cứu tiếp theo sau khi tốt nghiệp
7. Đề xuất người hướng dẫn

Phụ lục 2

HÌNH THỨC TRÌNH BÀY BÀI LUẬN NGHIÊN CỨU SINH

1. Trình bày trên một mặt giấy, giấy trắng khổ A4, chữ Times New Roman 13 hoặc 14 của hệ soạn thảo Winword tương đương, mật độ chữ bình thường, không kéo dãn hay nén chữ, dãn dòng đặt ở chế độ 1,5 line

2. Trang bìa ghi rõ:

- + Bài luận nghiên cứu sinh
- + Tên đề tài hoặc vấn đề nghiên cứu
- + Chuyên ngành
- + Mã số
- + Họ và tên thí sinh
- + Cơ quan công tác
- + Người hướng dẫn khoa học (nếu có)

Bìa đóng giấy cứng

3. Căn lề:

- Lề trên: 3,5 cm
- Lề dưới: 3,0 cm
- Lề trái: 3,5 cm
- Lề phải: 2,0 cm

Số trang được điền ở giữa lề trên

Trang bìa bài luận được trình bày như sau:

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO – BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**

-----**© 2010**-----

TÊN BÀI LUẬN DỰ ĐỊNH NGHIÊN CỨU

Chuyên ngành:

Mã số:

Họ và tên người dự tuyển NCS :

Cơ quan công tác:

Nhiệm vụ đang đảm nhiệm:

Họ và tên người hướng dẫn (nếu có):

HẢI PHÒNG - 20....

Phụ lục 2

HÌNH THỨC BẢN LUẬN ÁN

Luận án tiến sĩ có khối lượng khoảng không quá 150 trang khổ giấy A4, không kể phụ lục, trong đó trên 50% là trình bày các kết quả nghiên cứu và biện luận của nghiên cứu sinh.

1. Luận án bảo vệ ở cấp cơ sở: đóng bìa mềm
2. Luận án bảo vệ ở cấp trường: đóng bìa cứng, màu đỏ sẫm (màu mận chín), bìa in nhũ vàng.
3. Bố cục luận án theo phương án sau:
 1. Trang bìa: in màu mận chín gồm Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Y tế, Cơ sở đào tạo, tên Nghiên cứu sinh, tên đề tài, Luận án tiến sĩ Y tế công cộng hoặc Luận án tiến sĩ Y học, Hải Phòng, năm.
 2. Trang phụ bìa: Giống trang bìa, ngoài ra thêm chuyên ngành đào tạo, mã số chuyên ngành, người hướng dẫn khoa học.
 3. Lời cam đoan
 4. Lời cảm ơn
 5. Danh mục chữ viết tắt
 6. Mục lục
 7. Danh mục bảng
 8. Danh mục hình
 7. Nội dung luận án
 - Mở đầu (Đặt vấn đề) : 2-3 trang
 - Chương 1. Tổng quan: 25-30 trang
 - Chương 2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: 20-25 trang
 - Chương 3. Kết quả nghiên cứu : 30-35 trang
 - Chương 4. Bàn luận: 25-30 trang
 - Kết luận: 1 - 2 trang
 - Kiến nghị về việc ứng dụng hoặc nghiên cứu tiếp theo

- Danh mục các bài báo đã công bố của tác giả có liên quan đến đề tài luận án.

- Tài liệu tham khảo

- Phụ lục

4. Về trình bày :

a) Soạn thảo văn bản :

- Luận án sử dụng chữ Times New Roman, cỡ chữ 14 của hệ soạn thảo Winword hoặc tương đương; mật độ chữ bình thường, không được nén hoặc kéo dãn khoảng cách giữa các chữ

- Dẫn dòng đặt ở chế độ 1,5 lines.

- Lề: lề trên 3,5 cm; lề dưới 3,0 cm; lề trái 3,5 cm; lề phải 2,0 cm.

- Số trang được đánh ở giữa, phía trên đầu mỗi trang giấy.

b) Tiêu mục:

Các tiêu mục được trình bày và đánh số thành nhóm chữ số, nhiều nhất gồm 4 chữ số với số thứ nhất chỉ số chương (ví dụ 4.1.2.1. chỉ tiêu mục 1 nhóm tiêu mục 2 mục 1 chương 4).

c) Bảng biểu, hình vẽ, phương trình

- Việc đánh số bảng, biểu đồ, hình vẽ, phương trình phải gắn với số chương ; ví dụ Hình 3.4. có nghĩa là hình thứ 4 trong chương 3.

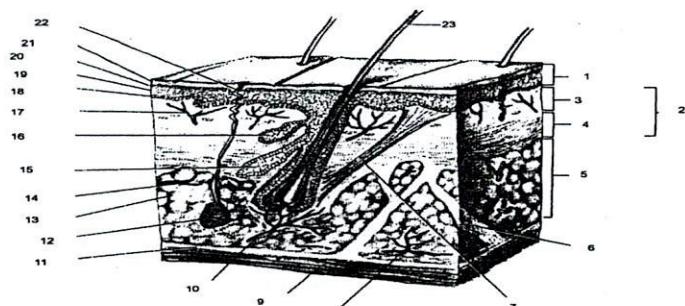
- Mọi bảng, biểu đồ, hình vẽ ... lấy từ các nguồn khác phải được trích dẫn đầy đủ. Ghi trích dẫn ở dưới của bảng biểu, hình ảnh tham khảo như sau:

* Nguồn: theo tác giả nào, tạp chí, sách nào (năm bao nhiêu) [số tài liệu tham khảo].

- Đầu đề của bảng ghi phía trên bảng bảng.

- Đầu đề của ảnh, biểu đồ và hình vẽ, phương trình ghi phía dưới của chúng.

- Ví dụ :



Hình 1.1. Cấu trúc của da

* Nguồn: theo Bernnet R.G. (1988) [76]

Bảng 1.2: Phân bố các trường hợp nhiễm HIV/AIDS theo khu vực

Khu vực	Thời gian dịch xuất hiện	Luỹ tích nhiễm HIV hết 2006	Tỷ lệ (%) nhiễm HIV ở người lớn	Tỷ lệ (%) phụ nữ nhiễm HIV	Hình thái lây truyền HIV chủ yếu
Cận Sahara châu Phi	Cuối 70 đầu 80	24,7 triệu	5,9	59,0	Tình dục khác giới
Nam, Đông Nam Á	Cuối 80	7,8 triệu	0,6	29,0	Tình dục khác giới, TCMT
Mỹ La tinh	Cuối 70 đầu 80	1,7 triệu	0,5	1,0	Tình dục đồng tính nam, TCMT, tình dục khác giới
Đông Á	Cuối 80	750 nghìn	0,1	29,0	TCMT, tình dục khác giới, đồng tính nam

* Nguồn : theo UNAIDS/WHO (2006) [141]

d) Viết tắt :

- Danh mục các chữ viết tắt (xếp theo thứ tự ABC) ở phần đầu luận án
- Danh mục chữ viết tắt được trình bày như sau :

DANH MỤC CÁC CHỮ, KÝ HIỆU VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

TT	Phần viết tắt	Phần viết đầy đủ
1	BN	Bệnh nhân
2	WHO	World Health Organization (Tổ chức Y tế thế giới)

Không lạm dụng việc viết tắt trong luận án. Chỉ viết tắt những từ, cụm từ hoặc thuật ngữ được sử dụng nhiều lần trong luận án. Không viết tắt những

cụm từ dài, những mệnh đề; không viết tắt những cụm từ ít xuất hiện trong luận án. Nếu cần viết tắt những từ, thuật ngữ, tên cơ quan, tổ chức. thì được viết tắt sau lần viết thứ nhất có kèm theo chữ viết tắt trong ngoặc đơn. Nếu luận án có nhiều chữ viết tắt thì phải có bảng danh mục các chữ viết tắt (xếp theo thứ tự ABC) ở phần đầu luận án.

e) Tài liệu tham khảo và cách trích dẫn

- Việc trích dẫn là theo số thứ tự của tài liệu ở danh mục Tài liệu tham khảo và được đặt trong ngoặc vuông, khi cần có cả số trang, ví dụ [15, tr.314-315]. Đối với phần được trích dẫn từ nhiều tài liệu khác nhau, số của tài liệu được đặt độc lập trong từng ngoặc vuông, theo thứ tự tăng dần, ví dụ [19], [25], [41], [42].

- Không ghi học hàm, học vị, địa vị xã hội của tác giả vào thông tin trích dẫn.

- Tài liệu được trích dẫn trong luận án phải có trong danh mục tài liệu tham khảo.

- Tài liệu được liệt kê trong danh mục tham khảo phải có trích dẫn trong luận án.

- Không trích dẫn tài liệu mà người viết chưa đọc. Chỉ trích dẫn khi người viết phải có tài liệu đó trong tay và đã đọc tài liệu đó. Không nên trích dẫn những chi tiết nhỏ, ý kiến cá nhân, kinh nghiệm chủ quan, những kiến thức đã trở nên phổ thông.

- Danh mục tài liệu tham khảo được sắp xếp theo trình tự sử dụng (trích dẫn) trong luận án không phân biệt tiếng Việt, Anh, Pháp...Tài liệu tham khảo được trích dẫn theo số (đã được xác định trong danh mục tài liệu tham khảo), không theo tên tác giả và năm. Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải giữ nguyên văn, không phiên âm, không dịch. Những tài liệu viết bằng tiếng nước ngoài ít người Việt biết thì có thể ghi thêm phần tiếng Việt đi kèm theo mỗi tài liệu. Không nên dùng luận văn, luận án, Website và hạn chế dùng sách giáo khoa làm tài liệu tham khảo.

- Tài liệu tham khảo là bài báo trong tạp chí, bài trong một cuốn sách... phải ghi đầy đủ các thông tin sau :

- + Tên các tác giả hoặc cơ quan ban hành (không có dấu ngắt cách)
- + (Năm xuất bản), (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn)
- + « Tên bài báo », (đặt trong ngoặc kép, in thẳng, dấu phẩy sau ngoặc kép)

+ *Tên tạp chí, tên sách*, (in nghiêng, dấu phẩy cuối tên)

+ Tập (không có dấu ngắt cách)

+ (Số), (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn)

+ Các số trang. (gạch ngang giữa hai chữ số, dấu chấm kết thúc).

Ví dụ : Nguyễn Hải An, Lê Năm (2006), “Sử dụng màng nguyên bào sợi đồng loại nuôi cây trong điều trị vết thương vùng cho da mảnh mỏng”, *Tạp chí Y Dược học quân sự*, (31), Hà Nội, tr. 71-77.

- Tài liệu tham khảo là Sách, luận văn, luận án, báo cáo phải ghi đầy đủ các thông tin sau : Nếu sách có hai tác giả thì sử dụng chữ và (hoặc chữ and) để nối tên hai tác giả. Nếu sách có 3 tác giả trở lên thì ghi tên tác giả thứ nhất và cụm từ cộng sự (hoặc et al.).

+ Tên các tác giả hoặc cơ quan ban hành (không có dấu ngắt cách)

+ (Năm xuất bản), (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn)

+ *Tên sách, luận án hoặc báo cáo*, (in nghiêng, dấu phẩy cuối tên)

+ Nhà xuất bản, (dấu phẩy cuối tên nhà xuất bản)

+ Nơi xuất bản. (dấu phẩy chấm kết thúc tài liệu tham khảo)

Ví dụ: Phạm Thắng và Đoàn Quốc Hưng (2007), *Bệnh mạch máu ngoại vi*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

- Nếu tài liệu dài hơn 1 dòng thì nên trình bày sao cho từ dòng thứ hai thẳng hàng với dòng thứ nhất.

- Tài liệu là nguồn internet, báo mạng (hết sức hạn chế loại trích dẫn này) : nếu trích dẫn phải có đầy đủ thông tin như sau.

Tên tác giả (nếu có), năm (nếu có). Tên tài liệu tham khảo, <đường dẫn để tiếp cận tài liệu đó>, thời gian trích dẫn. Ví dụ

1. Nguyễn Trần Bạt (2009), Cải cách giáo dục Việt Nam, <http://www.chungta.com/Desktop.aspx/chungtasuyngam/giaoduc/cai_cach_giao_duc_Viet_Nam/>, xem 12/3/2009
2. Anglia Ruskin University. Harvard system of Referencing Guide. [online] Available at<http://libweb.anglia.ac.uk/referencing/harvard.htm> [Accessed 12 August 2011]

5. Phụ lục của luận án

Phần này bao gồm những nội dung cần thiết nhằm minh họa hoặc hỗ trợ cho nội dung luận án như số liệu, mẫu biểu, tranh ảnh... Nếu luận án sử dụng những câu trả lời cho một bản câu hỏi thì bản câu hỏi mẫu này phải được đưa vào phần Phụ lục ở dạng nguyên bản đã dùng để điều tra, thăm dò ý kiến; không được tóm tắt hoặc sửa đổi. Các tính toán mẫu trình bày tóm tắt trong các bảng biểu cũng cần nêu trong phụ lục của luận án. Phụ lục không được dày hơn phần chính của luận án.

1. Luận án tiến sĩ phải đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ.

2. Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó tác giả đóng góp phần chính thì phải xuất trình với cơ sở đào tạo các văn bản của các thành viên trong tập thể đó đồng ý cho phép nghiên cứu sinh sử dụng công trình này trong luận án để bảo vệ lấy bằng tiến sĩ.

3. Danh mục công trình đã công bố của tác giả có liên quan đến đề tài luận án và danh mục tài liệu tham khảo được trình bày theo quy định về cách trình bày về tài liệu tham khảo đã nêu trên.

QUY ĐỊNH ĐÓI VỚI CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ

Các chuyên đề tiến sĩ đòi hỏi nghiên cứu sinh tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài của nghiên cứu sinh, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, giúp nghiên cứu sinh giải quyết một số nội dung của đề tài luận án. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 3 chuyên đề tiến sĩ với khối lượng từ 10 đến 15 tín chỉ. Các nội dung trong ba chuyên đề này sẽ được nghiên cứu sinh sử dụng trong phần tổng quan và hoặc phần bàn luận của luận án. Nội dung chuyên đề, tên chuyên đề sẽ do thầy hướng dẫn quyết định và phải được viện/khoa/bộ môn xem xét đồng ý. Thông thường bao gồm 1 chuyên đề cơ sở - cơ bản (các vấn đề có tính nghiên cứu cơ bản, nền tảng liên quan tới đề tài), 1 chuyên đề hỗ trợ (các vấn đề liên quan mật thiết, sẽ được đề cập và hỗ trợ cho đề tài nghiên cứu) và 1 chuyên đề lâm sàng, cận lâm sàng hay một vấn đề liên quan trực tiếp hoặc là một phần - một khía cạnh trong nghiên cứu chính của nghiên cứu sinh. Ví dụ với đề tài nghiên cứu về ung thư có thể lựa chọn 3 chuyên đề là giải phẫu bệnh (cơ sở), chẩn đoán hình ảnh (hay y học hạt nhân - hỗ trợ), lâm sàng cập nhật các phương pháp điều trị mới trong ung thư. Với đề tài về chuyên ngành ngoại có thể chọn chuyên đề giải phẫu ứng dụng cập nhật (cơ sở), gây mê (hay hồi sức - hỗ trợ), đặc điểm chẩn đoán và kết quả điều trị. Với nghiên cứu về Y tế công cộng - Y học dự phòng có thể lựa chọn chuyên đề dịch tễ học (cơ sở), phương pháp nghiên cứu (hay thống kê y học - hỗ trợ), mô hình phân bố bệnh tật tại địa phương.

PHỤ LỤC 3- B

QUY ĐỊNH ĐÓI VỚI TIỂU LUẬN TỔNG QUAN

Bài luận dài khoảng 30 - 40 trang, in trên khổ giấy trắng A4, sử dụng bảng mã Unicode, font chữ Times New Roman cỡ 13 hoặc 14 của hệ soạn thảo Winword hoặc tương đương; mật độ chữ bình thường, không được nén hoặc kéo dãn khoảng cách giữa các chữ; dãn dòng đặt ở chế độ 1,5 lines; lề trên 3,5cm; lề dưới 3,0cm; lề trái 3,5cm; lề phải 2cm. Số trang được đánh ở giữa, phía trên đầu mỗi trang, đóng bìa mềm, hình thức theo qui định (phụ lục 2c), gồm những nội dung sau đây: A. Mục lục 1. Đặt vấn đề: 1 - 2 trang Nêu khái quát những vấn đề liên quan đến mục tiêu nghiên cứu của đề tài luận án. 2. Nội dung: 2.1. Những vấn đề liên quan đến đề tài luận án (7 - 10 trang). 2.2. Trình bày những quan điểm, luận điểm, cơ sở lý thuyết, các kiến thức cơ sở và chuyên ngành liên quan mật thiết đến nội dung đề tài luận án. 2.3. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án (20 - 25 trang). • Hệ thống hóa các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến nội dung nghiên cứu của đề tài. • Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án. • Nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết. 3. Kết luận: (1 - 2 trang) B. Tài liệu tham khảo: Tài liệu phải được trích dẫn và sử dụng đầy đủ trong Tiểu luận tổng quan. Cách trình bày tài liệu tham khảo theo đúng quy định về cách ghi và trích dẫn tài liệu tham khảo đã nêu trên.

1. Mẫu trang bìa chuyên đề tiến sĩ hoặc Tiểu luận tổng quan

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Chữ in hoa, đứng, cỡ 16)

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

(Chữ in hoa, đứng, đậm, cỡ 16)

HỌ VÀ TÊN NGHIÊN CỨU SINH

(Chữ in hoa, đứng, đậm, cỡ 16 -18)

TÊN CHUYÊN ĐỀ

(Chữ in hoa, đứng, đậm, cỡ 24)

CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ

(Chữ in hoa, đứng, đậm cỡ 16)

HẢI PHÒNG, 201..

(Chữ in hoa, đứng, đậm cỡ 16)

2. Mẫu trang phụ bìa chuyên đề tiến sĩ hoặc Tiểu luận tổng quan

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

HỌ VÀ TÊN NGHIÊN CỨU SINH

TÊN CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ

Người hướng dẫn khoa học:

(Chữ in thường, đứng, cỡ 16)

Cho đê tài: (Chữ in thường, đứng, đậm, cỡ 16)

Chuyên ngành: (Chữ in thường, đứng, cỡ 16)

Mã số: (Chữ in thường, đứng, cỡ 16)

CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ

(Chữ in hoa, đứng, cỡ 16)

HẢI PHÒNG, 201...

Phụ lục 4

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dùng cho nghiên cứu sinh)

I. LÝ LỊCH SƠ LUỢC

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO :

1. Đại học :

Hệ đào tạo :
Thời gian đào tạo từ / đến /
Nơi học (trường, thành phố) :
Ngành học :
Tên đồ án, luận án hoặc môn thi tốt nghiệp :
Ngày và nơi bảo vệ đồ án, luận án hoặc thi tốt nghiệp :
Người hướng dẫn :

2. Thác sỹ:

Thời gian đào tạo từ / đến /
Nơi học (trường, thành phố) :
Ngành học :
Tên luận văn :

Ngày và nơi bảo vệ luận văn :
Người hướng dẫn :

3. Chuyên khoa cấp II:

Hệ đào tạo :
Thời gian đào tạo từ / đến /
Nơi học (trường, thành phố) :
Ngành học :

Tên luận văn :

Ngày và nơi bảo vệ luận văn :

Người hướng dẫn :

4. Tiết sĩ:

Hình thức đào tạo :

Thời gian đào tạo từ / đến /

Nơi học: Học viện Quân y

Tên luận án :

Người hướng dẫn :

Ngày và nơi bảo vệ:

1. **Trình độ ngoại ngữ** (biết ngoại ngữ gì, mức độ nào) :

2. **Học vị, học hàm, chức vụ kỹ thuật được chính thức cấp ; số bằng, ngày và nơi cấp :**

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN KỂ TỪ KHI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Thời gian

Nơi công tác

Công việc đảm nhiệm

IV. CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ

1. Các bài báo đã công bố của tác giả có liên quan đến đề tài luận án

2. Các bài báo và các công trình khoa học khác

Xác nhận của cơ quan cử đi học
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm
Nghiên cứu sinh
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm 20.....

KẾ HOẠCH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU CỦA NGHIÊN CỨU SINH

Họ và tên

NCS:.....

Địa chỉ liên hệ:.....

Số điện thoại: NR:.....CQ:.....ĐĐ:.....E-mail:.....

Tên đề tài:.....

Người hướng dẫn:.....

Chuyên ngành:.....Mã số:.....

Quyết định giao đề tài và công nhận người hướng dẫn số...../QĐ-YDHP

ngày.....tháng...năm

TT	Công việc	Dự kiến thời gian hoàn thành	Ghi chú
1	Học các môn chuyên môn		
	Các môn học bổ sung		
	Các môn học trình độ tiến sĩ		
2	Thực hiện các chuyên đề		
	Chuyên đề 1		
	Chuyên đề 2		
	Chuyên đề 3		
	Bảo vệ chuyên đề		
4	Bảo vệ bài tiểu luận tổng quan LA		
5	Báo cáo kết quả NC trước bộ môn (seminar)		
	Seminar lần thứ nhất		
	Seminar lần thứ hai		
	Seminar lần thứ		
	Seminar tổng thể kết quả NC luận án		
6	Công bố các bài báo về KQNC		
7	Luận án		
	Hoàn thành bản thảo lần 1		
	Báo cáo thông qua luận án tại khoa/ BM		
	Bảo vệ luận án cấp Cơ sở		
	Bảo vệ luận án cấp Đại học		

Xác nhận của GVHD

Chữ ký của NCS

Xác nhận của Bộ môn (khoa chuyên môn) quản lý NCS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ NGHIÊN CỨU CỦA NCS
THỜI GIAN 6 THÁNG (TỪ THÁNG....ĐẾN THÁNG....) NĂM 20...

Căn cứ Thông tư số 08/2017 TT-BGD&ĐT ngày 04/4/2017 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành về quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ., hàng năm nghiên cứu sinh phải báo cáo tiến độ học tập và nghiên cứu vào 2 đợt (tháng 6 và tháng 12).

Họ tên NCS:..... Khóa:.....

Bộ môn:..... Khoa:.....

Chuyên Ngành:.....

Đề tài:.....

1. Kết quả học tập và nghiên cứu 6 tháng qua (từ tháng.....đến tháng.....năm.....)

1.1. Phần bổ sung kiến thức

.....

1.2. Seminar, chuyên đề tiến sĩ

.....

1.3. Phần nghiên cứu khoa học

* *Kết quả cụ thể về lý thuyết*

.....

* *Kết quả cụ thể về thực nghiệm*

.....

2. Dự kiến kết quả 6 tháng tiếp theo

2.1. Phần bổ túc kiến thức

2.2. Seminar, chuyên đề tiến sĩ

2.3. Phần nghiên cứu khoa học

3. Nhận xét và đề nghị của người hướng dẫn

.....

Bản báo cáo này đã được thông qua tại cuộc họp Bộ môn ngày .../.../.....

Ngày..... tháng..... năm.....

Cán bộ hướng dẫn NCS

Nghiên cứu sinh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm 20..

BÁO CÁO TIẾN ĐỘ HỌC TẬP VÀ NGHIÊN CỨU CỦA NCS NĂM 20.....

Họ và tên

NCS:.....

Địa chỉ liên hệ:.....

Số điện thoại: NR:.....CQ:.....DĐ:.....E-mail:....

Tên đề tài:.....

Chuyên ngành:.....Mã số:.....Năm công nhận NCS:.....

1. Các kết quả đã thực hiện:

1.1. Học tập các môn học theo quy định

Đã học xong.....môn học bổ sung,.....môn học trình độ tiến sĩ.

1.2. Thực hiện các chuyên đề:

- Tên chuyên đề
- Đã hoàn thành.....chuyên đề
- Đã bảo vệchuyên đề

1.3. Thực hiện đề tài luận án:

- Tóm tắt nội dung về thực hiện Đề tài (khoảng 100 từ)
- Đã báo cáo (seminar) kết quả thực hiện luận án trước bộ môn.....lần
- Đã công bố.....bài báo (ghi rõ tên tạp chí, tên bài được đăng, số đăng, tên tác giả, trang)
- Đã xong bản thảo lần
-
- Đã báo cáo thông qua luận án ở bộ
- môn.....
- Đã bảo vệ luận án cấp Cơ sở.....

1.4. Học phí: Đã đóng học phí năm thứ nhất và năm thứ hai năm thứ ba

2. Kế hoạch từ nay đến khi hoàn thành luận án

TT	Công việc	Dự kiến thời gian hoàn thành	Ghi chú
1	Học các môn chuyên môn		
2	Thực hiện các chuyên đề		
	Chuyên đề 1		
	Chuyên đề 2		
	Chuyên đề 3		
	Bảo vệ chuyên đề		
3	Báo cáo kết quả NC trước bộ môn (seminar)		
	Seminar lần thứ nhất		
	Seminar lần thứ hai		
	Seminar lần thứ		
4	Công bố các bài báo về KQNC		
5	Luận án		
	Hoàn thành bản thảo lần 1		
	Bảo vệ luận án cấp Cơ sở		
	Bảo vệ luận án cấp Đại học		

Xác nhận của GVHD

Chữ ký của NCS

Xác nhận của Bộ môn hoặc khoa chuyên môn quản lý NCS

NCS gửi cả file điện tử và hardcopy về địa chỉ E-mail:.....Hạn cuối cùng: 25 tháng 12 hàng năm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

ĐƯỢC GIA HẠN THỜI GIAN NGHIÊN CỨU VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Kính gửi: - Ban Giám hiệu;

- Khoa /Bộ môn.

- Phòng Đào tạo Sau đại học

Tên tôi là:

Công tác tại:

Hiện đang là nghiên cứu sinh khóa ... của Trường Đại học.....

Chuyên ngành:

Đề tài luận án:

Người hướng dẫn:

Những công việc đã hoàn thành đến thời điểm xin gia hạn (kèm theo minh chứng):

- Hoàn thành.... môn học bổ sung,môn học trình độ tiến sĩ,

- Hoàn thành.....bài tiểu luận tổng quan,

- Hoàn thành.....chuyên đề tiến sĩ,

- Về thực hiện luận án tiến sĩ:.....

- Học phí và kinh phí hỗ trợ đào tạo đã đóng.

Tôi sẽ hết hạn thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ vào ngày.....tháng.....năm.....

Lý do xin gia hạn: (...)

Những công việc sẽ hoàn thành và kế hoạch thực hiện: (...)

Thời gian xin gia hạn: tháng.

Tôi làm đơn này kính đề nghị Trường Đại học Y Dược Hải Phòng cho phép tôi được gia hạn thời gian nghiên cứu và bảo vệ luận án tiến sĩ. Nếu được phép gia hạn học tập, tôi xin chấp hành đầy đủ mọi quy định hiện hành theo quy chế đào tạo sau đại học và các quy định của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. Tôi xin cam đoan hoàn thành bảo vệ luận án trong thời gian gia hạn.

Xin trân trọng cảm ơn.

Hải Phòng, ngày tháng năm 20.....

**Ý kiến của Khoa
chuyên môn**
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Ý kiến của cán bộ
hướng dẫn**
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Ý kiến của cán bộ
hướng dẫn**
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nghiên cứu sinh
(Ký và ghi rõ họ tên)

BỘ
TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

Kính gửi: - Phòng Đào tạo Sau đại học
- Khoa/ Bộ môn

- Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Căn cứ (Quyết định) số...../QĐ-YDHP ngày ... / ... /20... của Đại học
Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, cơ quan

..... đã đồng ý cử Ông/Bà là cán bộ
trong biên chế (hợp đồng) của cơ quan, hiện nay phụ trách công việc

..... theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại
học Y Dược Hải Phòng, khóa (năm), chuyên ngành: với đề tài:

.....

Đây là đề tài có ý nghĩa thiết thực với tình hình kinh tế - xã hội đất nước nói
chung và với cơ quan nói riêng

.....

Trong thời gian qua, mặc dù đã cố gắng thực hiện kế hoạch học tập, nghiên
cứu theo yêu cầu của chương trình, tuy nhiên Ông/Bà
chưa đảm bảo tiến độ dự kiến bởi những lý do sau:

.....

.....

.....

Để tạo điều kiện cho Ông/Bà có thể hoàn thành
những nội dung còn lại của luận án, Cơ quan kính đề
nghị Trường Đại học Y Dược Hải Phòng cho phép Ông/Bà
..... được gia hạn thời gian hoàn thành luận án thêm
tháng.

Cơ quan xin cam kết sẽ tạo mọi điều kiện thuận
lợi để Ông/Bà hoàn thành luận án trong thời hạn trên.

Xin trân trọng cảm ơn.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP CƠ SỞ

Kính gửi: Ban Giám hiệu
Phòng Đào tạo Sau đại học
Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Tên tôi là :

Công tác tại :

Tôi được công nhận là nghiên cứu sinh theo quyết định số/QĐ-YDHP ngày/...../..... của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, hình thức đào tạo , thời hạn từ ngày/...../..... đến ngày/...../..... ; Các quyết định gia hạn, quyết định trả về và các văn bản thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có).

Sau thời gian học tập và thực hiện đề tài nghiên cứu, đến này tôi đã hoàn thành luận án tiến sĩ với tên đề tài : « »

Thuộc chuyên ngành :

Mã số chuyên ngành :

Tôi đã hoàn thành chương trình học tập theo quy định cho nghiên cứu sinh, đã báo cáo luận án tại Bộ môn đào tạo và được Bộ môn thông qua.

Vì vậy tôi làm đơn này đề nghị Trường Đại học Y Dược Hải Phòng cho phép tôi được bảo vệ luận án trước Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở.

Tôi xin trân trọng cảm ơn.

Hải Phòng, ngày tháng năm

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP TRƯỜNG

Kính gửi: Ban Giám hiệu

Phòng Đào tạo Sau đại học

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Tên tôi là :

Công tác tại :

Tôi được công nhận là nghiên cứu sinh theo quyết định số/QĐ-YDHP ngày/..../..... của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, hình thức đào tạo , thời hạn từ ngày/..../..... đến ngày/..../..... ; Các quyết định gia hạn, quyết định trả về và các văn bản thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có).

Sau thời gian học tập và thực hiện đề tài nghiên cứu, đến này tôi đã hoàn thành luận án tiến sĩ với tên đề tài : « »

Thuộc chuyên ngành :

Mã số chuyên ngành :

Tôi đã hoàn thành chương trình học tập theo quy định cho nghiên cứu sinh, đã bảo vệ luận án trước Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở, được Hội đồng thông qua.

Vì vậy tôi làm đơn này đề nghị Trường Đại học Y Dược Hải Phòng cho phép tôi được bảo vệ luận án trước Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

Tôi xin trân trọng cảm ơn.

Hải Phòng, ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 8

TRANG THÔNG TIN VỀ NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN ÁN

Tên đề tài luận án:

Chuyên ngành:

Mã số:

Họ và tên nghiên cứu sinh:

Họ và tên Người hướng dẫn:

1.

2.

Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Tóm tắt những đóng góp mới của luận án (viết ngắn gọn những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận, những luận điểm mới rút ra được từ kết quả nghiên cứu, khảo sát của luận án):

Cán bộ hướng dẫn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nghiên cứu sinh
(Ký và ghi rõ họ tên)

THE NEW MAIN SCIENTIFIC CONTRIBUTION OF THE THESIS

Name of thesis:

Speciality:

Code:

Full name:

Full name of supervisor:

1.

2.

Educational foundation: Haiphong University of Medicine and Pharmacy

Summary of new main scientific contribution of the thesis

Name of supervisor

(Name and signature)

Name of graduate student

(Name and signature)

Phụ lục 9
HÌNH THỨC BẢN TÓM TẮT LUẬN ÁN

1. Tóm tắt luận án được in trên+10giấy kích thước $14,85 \times 21\text{cm}$ (khổ giấy A4 gấp đôi). Trình bày nhiều nhất không quá 24 trang, in trên hai mặt giấy. Font chữ Times New Roman, cỡ chữ 11 của hệ soạn thảo Winword hoặc tương đương. Mật độ chữ bình thường, không được nén hoặc kéo dãn khoảng cách giữa các chữ. Chế độ dãn dòng là Exactly 17 pt. Lề trên, lề dưới, lề phải, lề trái đều là 2cm.
2. Số của bảng, hình vẽ phải có cùng số như trong luận án.
3. Tóm tắt luận án phải phản ánh trung thực kết cấu bối cảnh và nội dung của luận án, phải ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án.
4. Trang bìa 1, bìa 2, bìa 3 như trình bày ở dưới đây:

a) Mẫu trang bìa 1 của tóm tắt luận án

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

HỌ VÀ TÊN TÁC GIẢ LUẬN ÁN

TÊN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Chuyên ngành:

Mã số:

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ Y HỌC (Y TẾ CÔNG CỘNG)

HẢI PHÒNG-NĂM

b) Mẫu trang bìa 2 tóm tắt luận án

CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Người hướng dẫn khoa học:

- 1.
- 2.

Phản biện 1:

.....

Phản biện 2:

.....

Phản biện 3:

.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp trường

vào hồi: giờ ngày tháng năm

Có thể tìm hiểu luận án tại:

1. Thư viện Quốc Gia
2. Thư viện Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
3.

c) Mẫu trang bìa 3 tóm tắt luận án

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ
CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Hải An, Lê Năm (2006), “Sử dụng màng nguyên bào sợi đồng loại nuôi cây trong điều trị vết thương vùng cho da mảnh mỏng”, *Tạp chí Y Dược học quân sự*, (31), Hà Nội, tr. 71-77.
2.
3.